

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
T PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59 /2024/DSST

Ngày 18/6/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, T PHỐ H**

-T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phí Văn Chân

Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân quận B .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, T phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 140/2023/ DSST ngày 19 tháng 12 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐST- DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 22/2024 ngày 22 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, đường V, quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Cán bộ Ngân hàng

(Theo giấy uỷ quyền số 2535A/2022/ GUQ – PL ngày 12/10/2022 của Ngân hàng TMCP S và Giấy uỷ quyền số 442/2023/ UQ – TGD ngày 29/11/2023 của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP S)

*** Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1975**

HKTT: Phòng 12 A1 Tập thể công ty xe khách 14, tổ 33, phường N, quận Ba Đình, T phố H .

Nơi làm việc: Giáo viên khoa trắc địa bản đồ quản lý đất đai –

Trường Đại học M.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/10/2013, anh T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 970403 – 7738 và 356481 - 2146 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 54.000.000 đồng (trong đó thẻ 970403 – 7738 là 30.000.000 đồng và thẻ 356481 - 2146 là 24.000.000 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.033.000 đồng (trong đó thẻ 970403 – 7738 là 13.493.000 đồng và thẻ 356481 - 2146 là 11.540.000 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/03/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 18/12/2023, anh T còn nợ 248.571.940 đồng cụ thể các khoản nợ gồm: Số thẻ 970403-7738 nợ gốc là 28.257.377 đồng; nợ lãi quá hạn: 113.383.620 đồng; Số thẻ 356481-2146 nợ gốc là 21.333.083 đồng; nợ lãi quá hạn: 85.597.860 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu anh T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên anh T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây :

1. Buộc anh Trần Đình T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/12/2023 là 248.571.940 đồng.

2. Anh Trần Đình T phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/12/2023 cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng.

***Bị đơn là anh Trần Đình T không đến Toà nên không có lời khai.**

Tại phiên toà nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện:

Buộc anh Trần Đình T phải trả cho Ngân hàng tổng dư nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 18/6/2024 là: 259.915.744 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 49.590.460 đồng

+ Nợ lãi: 210.325.284 đồng

Buộc anh Trần Đình T phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ lãi, phí phát sinh với mức lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng thẻ tín dụng kể từ ngày 19/6/2024 cho đến

khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên toà phát biểu quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về thụ lý vụ án: Việc thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 195, 196, Điều BLTTDS.

- Thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân quận B theo đúng quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Về thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và lập hồ sơ vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp VKS tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án thực hiện đúng quy định tại 208, 209, 210, 211 Bộ luật TTDS.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng thời hạn quy định tại Điều 203 BLTTDS

+ Về việc lập hồ sơ vụ án dân sự: đúng quy định tại Điều 204 BLTTDS.

- Về cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, về chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

2. Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Trần Đình T phải trả cho Ngân hàng tổng dư nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 18/6/2024 là: 259.915.744đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 49.590.460đồng

+ Nợ lãi: 210.325.284 đồng

Buộc anh Trần Đình T phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ lãi phát sinh với mức lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng thế tín dụng kể từ ngày 19/6/2024 cho đến khi tất toán khoản nợ.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định, trả lại cho ngân hàng tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục THA dân sự quận B .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh Trần Đình T , HKTT: Phòng 12A1 Tập thể công ty xe khách 14,

tổ 33, phường N, quận B, Thành phố H . Nơi làm việc hiện nay: Giáo viên khoa trắc địa bản đồ quản lý đất đai – Trường Đại học mỏ địa chất, số 18 Phố Viên, phường Đ, quận B , Thành phố H. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B .

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi làm việc nhưng anh T vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Việc anh Trần Đình T vắng mặt là tự ý từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

Xét hợp đồng thế tín dụng 10443 ngày 10/10/2013:

Ngày 10/10/2013, Ngân hàng TMCP S và anh Trần Đình T đã ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, với hạn mức là 50.000.000đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi kích hoạt thẻ tín dụng, anh T đã thực hiện các giao dịch phục vụ nhu cầu tiêu dùng, anh T đã sử dụng thẻ tín dụng số 970403 – 7738 và thẻ tín dụng số 356481 - 2146.

Quá trình thực hiện thẻ tín dụng, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng từ ngày 05/02/2015. Do đó, ngân hàng xác định số tiền nợ thẻ tín dụng từ ngày 05/2/2015 số tiền là 49.590.460 đồng;

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”; Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.*”. Căn cứ Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “*... số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.*” Căn cứ Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “*... Chủ thẻ có trách nhiệm đối với việc thanh toán tất cả giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh....*” Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng mà hai bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về hình thức và nội dung. Quá trình thực hiện thẻ hợp đồng tín dụng anh T đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với anh T phải trả số tiền nợ thẻ tính đến ngày 05/02/2014 là chính đáng, phù hợp các quy định của pháp luật nên có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi của ngân hàng:

Căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự quy định: “... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”.

Căn cứ Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “... Chủ thẻ có trách nhiệm đối với việc thanh toán tất cả giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh....”; Căn cứ Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ Điều 20 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “Thanh toán sẽ áp dụng theo thứ tự sau : các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước ...”.

Căn cứ Điều 22 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản ...”.

Căn cứ Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) ...”.

Theo bảng kê tính lãi thì việc Ngân hàng tính lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với khoản nợ thẻ của anh T kể từ ngày 05/02/2014. Ngân hàng chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn là đúng quy định của pháp luật, và yêu cầu anh T phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi tạm tính đến ngày 18/6/2024 Toà án xét xử là hạn là 210.325.284 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của Ngân hàng đối với khoản nợ thẻ tín dụng của anh T .

-Về án phí: Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị Quyết số 326/NQ – QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S Buộc anh Trần Đình T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 18/06/2024 là: 259.915.744 đồng, trong đó:

- Nợ gốc thẻ tín dụng là: 49.590.460 đồng

- Nợ lãi quá hạn là 210.325.284 đồng

Kể từ ngày 19/06/2024, anh T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng).

2. Trường hợp anh T không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền án xác minh, kê biên các tài sản khác và khấu trừ nguồn thu hợp pháp của anh Trần Đình T để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Đình T phải chịu 12.995.787 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 5.676.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0044388 ngày 19/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, T phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND quận B ;
- Chi cục THADS quận B ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tuyết